

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lại;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuỳ Trang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:
Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Bé T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: anh Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Trần Thị Bé T trình bày:

Chị và anh S sống chung với nhau từ năm 2007 và có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân. Vào năm 2023, chị có nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh

Huỳnh Ngọc S và đã được Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 73 vào ngày 06/3/2023.

Quá trình sống chung chị và anh S tạo lập được 01 căn nhà cấp 4 và các công trình phụ, cất trên đất của cha mẹ ruột chị cho vào năm 2009 và 03 con bò (trong đó có 02 con bò cái và 01 con bò con), cây cối trên đất.

Căn nhà cất trên phần đất thuộc thửa đất số 281 tờ bản đồ 31 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh của chị được cha mẹ tặng cho vào năm 2009. Đến năm 2021 cha mẹ chị mới làm thủ tục sang tên diện tích đất 8.039,6 m² thuộc các thửa đất 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ 34 và đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08268 ngày 06/12/2021 cho chị Trần Thị Bé T đứng tên. Mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác và đất chuyên trồng lúa nước (trong đó có diện tích đất 85,2 m² thửa đất số 303, 63,4 m² thửa 313; 73,0 m² thửa đất số 298 là đất nằm trong vùng phụ cận kênh).

Nguồn gốc các tài sản chung của chị gồm căn nhà cấp 4, các công trình phụ trên đất và 03 con bò là do 02 vợ chồng tiết kiệm tạo lập ra.

Nguồn gốc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh là của cha mẹ ruột chị cho riêng chị. Hiện nay chị đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08268 ngày 06/12/2021 cho chị Trần Thị Bé T đứng tên.

Hiện nay chị đang quản lý phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh và căn nhà cấp 4, các công trình phụ gắn liền trên đất, 03 con bò. Anh S đi làm công nhân ở xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Anh S vẫn đi về và sinh sống trên căn nhà đang tranh chấp.

Chị khởi kiện yêu cầu Toà án chia đôi giá trị căn nhà cấp 4, các công trình phụ gắn liền trên phần đất thuộc các thửa đất 281 tờ bản đồ 34, toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh và 03 con bò. Chị yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà trên đất và 03 con bò cái. Chị đồng ý chia đôi giá trị căn nhà cấp 4, các công trình phụ gắn liền trên đất và giá trị 03 con bò cái cho anh S. Đồng ý giao giá trị bằng tiền cho anh S.

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 13/2/2008 và Huỳnh Trần Ngọc H, sinh ngày 22/10/2020. Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con 1.000.000 đồng/tháng tương đương 2.000.000 đồng/02 con/tháng tính từ ngày 01/5/2024 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Trong vụ án ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 73 vào ngày 06/3/2023 chị chưa yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con là do anh S có thoả thuận bằng lời nói với chị là anh S sẽ giao quyền sử dụng toàn bộ phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh và căn nhà cấp 4, các công trình phụ gắn liền trên đất; 03 con bò cái để chị nuôi con. Nhưng nay anh S có

tranh chấp tài sản chung với chị, thường xuyên về nhà chửi bới, quấy rầy chị nên chị mới nộp đơn khởi kiện chia tài sản chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Hiện nay anh S đang làm công nhân tại công ty C, địa chỉ xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Thu nhập mỗi tháng của anh S là khoảng 9.000.000 đồng/tháng (chị sẽ cung cấp giấy tờ thể hiện anh S đang làm công nhân tại công ty C, địa chỉ xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh cho Tòa án sau).

Từ khi ly hôn đến nay anh S không gửi tiền để chị nuôi con, anh S1 không quan tâm, chăm sóc con.

Về án phí, chi phí tố tụng chị T đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Ngọc S trình bày tại biên bản lấy lời khai đề ngày 11/4/2024:*

Anh và chị T sống chung với nhau từ năm 2007 và có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân. Vào năm 2023, chị T có nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh và đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn vào ngày 06/3/2023.

Quá trình sống chung anh và chị T tạo lập được 01 căn nhà cấp 4 cất trên đất của cha mẹ chị T cho vào năm 2009 và 02 con bò cái. Ngoài ra trong quá trình sống chung cha mẹ chị T có tặng cho vợ chồng anh 01 phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ số 34; tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn nhà cấp 4 cất trên phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh của cha mẹ tặng chị T cho vợ chồng anh vào năm 2009. Đến năm 2021 cha mẹ chị T mới làm thủ tục sang tên các thửa đất và trên đất có căn nhà cấp 4 do vợ chồng anh xây dựng cho chị T đứng tên.

Nguồn gốc căn nhà cấp 4 trên đất và 02 con bò là do 02 vợ chồng tiết kiệm tạo lập ra.

Nguồn gốc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh là của cha mẹ ruột chị T cho vợ chồng anh. Hiện nay chị T đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08268 ngày 06/12/2021 cho chị Trần Thị Bé T đứng tên.

Hiện nay anh và chị T đang quản lý phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ 34 tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất; 02 con bò cái. Anh đi làm công nhân ở xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, anh vẫn đi về và sinh sống trên căn nhà và phần đất đang tranh chấp.

Anh không đồng ý với khởi kiện yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà cấp 4 trên phần đất thuộc các thửa đất 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ 34 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh và 02 con bò cái. Anh yêu cầu Toà án chia đôi phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh và chia đôi giá trị căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất; 02 con bò cái. Anh đồng ý giao hiện vật là nhà, đất, bò cái cho chị T. Anh yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền. Anh chỉ yêu cầu được nhận hiện vật là $\frac{1}{2}$ phần đất để cất nhà sinh sống. Hiện nay anh không còn nơi ở nào khác. Anh ước tính giá trị phần đất khoảng 200.000.000 đồng.

Toà án yêu cầu anh S nộp đơn khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung là phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ 34 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 11/4/2024. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày 11/4/2024, nếu anh không nộp đơn khởi kiện bổ sung về yêu cầu chia tài sản chung là phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ 34 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh thì Toà án sẽ không xem xét đối với yêu cầu này của anh.

Anh S có nộp đơn khởi kiện phản tố về yêu cầu chia tài sản chung là phần đất thuộc các thửa đất số 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ 34 toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh tuy nhiên anh S không nộp tiền tạm ứng án phí nên Toà án không thụ lý đơn khởi kiện phản tố của anh S.

Tại phiên tòa chị T, anh S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật liên quan. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, căn cứ Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh S.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 33, 59, 82, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé T đối với anh Huỳnh Ngọc S về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con”.

Chị Trần Thị Bé T được quyền quản lý, sử dụng tài sản chung của vợ chồng gồm căn nhà cấp 4 xây trên phần đất thuộc thửa đất 281, tờ bản đồ 34, toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, các công trình phụ và 03 con bò. Hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh Huỳnh Ngọc S.

Anh Huỳnh Ngọc S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng từ ngày 01/5/2024 cho đến khi con thành niên.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Huỳnh Ngọc S hiện nay có hộ khẩu thường trú và cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Chị Trần Thị Bé T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Huỳnh Ngọc S đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị T thấy rằng:

Chị T, anh S chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2008, nên hôn nhân của chị T, anh S là hôn nhân hợp pháp từ năm 2008. Vào năm 2023 vợ chồng thuận tình ly hôn được Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 73 ngày 06/3/2023.

Chị T khai quá trình sống chung chị và anh S có tạo lập được khối tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 và các công trình phụ cất trên đất của cha mẹ ruột cho riêng chị vào năm 2009; 03 con bò (02 con bò cái và 01 con bò con), cây cối trên đất. Đối với cây cối trên đất không có giá trị, chị T không tranh chấp. Tổng giá trị tài sản của chị T, Anh S là 155.943.975 đồng. Anh S thống nhất khai 01 căn nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất và 02 con bò cái, 01 con bò con là tài sản chung của anh S và chị T nên khối tài sản chung này được chia đôi trong đó chị T được hưởng 77.971.987,5 (làm tròn 77.972.000 đồng, anh S được hưởng 77.971.987,5 (làm tròn 77.972.000) đồng.

Anh S cho rằng phần đất thuộc các thửa đất 281, 288, 298, 303, 313, 320, 341, 640, tờ bản đồ 34 tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh nguồn gốc là của cha mẹ chị T cho chung chị T và anh S. Là tài sản chung của chị T, anh S yêu cầu chia đôi giá trị phần đất. Anh S đã nộp đơn khởi kiện và Tòa án đã ra thông báo cho anh S đóng tiền tạm ứng án phí tuy nhiên anh S không đóng. Tòa án đã ra thông báo trả đơn đối với yêu cầu này cho anh S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với căn nhà cấp 4, các công trình phụ và 03 con bò hiện nay chị T đang quản lý sử dụng, ngoài căn nhà này chị T và 02 con không còn nơi cư trú

nào khác, xét nhu cầu thiết yếu của chị T và các con nên cần giao những tài sản là căn nhà cấp 4, các công trình phụ cất trên các thửa đất và 03 con bò cho chị T trực tiếp quản lý sử dụng. Chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh S số tiền 77.972.000 đồng.

[2.2] Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T thấy rằng: chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cho con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 13/2/2008 và Huỳnh Trần Ngọc H, sinh ngày 22/10/2020. Chị yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con 1.000.000 đồng/tháng tương đương 2.000.000 đồng/02 con/tháng tính từ ngày 01/5/2024 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án thì Công ty TNHH C1 (C2) có công văn đề ngày 13/11/2024 nội dung anh S có làm công nhân tại công ty và mức lương hiện nay của anh S là 8.246.000 đồng. Hiện nay con chung của chị T và anh S chưa đủ 18 tuổi, chưa có khả năng lao động và tự sinh sống được. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 73 vào ngày 06/3/2023, chưa giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Như vậy xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T với mức 2.000.000 đồng/1 tháng cho 02 con là phù hợp.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T, anh S phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, 59, 82, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé T đối với anh Huỳnh Ngọc S về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con”.

1.1. Chị Trần Thị Bé T được hưởng phần tài sản có giá trị 77.972.000 (bảy mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn) đồng, anh Huỳnh Ngọc S được hưởng phần tài sản có giá trị 77.972.000 (bảy mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Chị Trần Thị Bé T được quyền quản lý, sử dụng tài sản gồm 01 căn nhà cấp 4 và các công trình phụ gắn liền như nhà tạm, nhà vệ sinh, chuồng bò trên

phần đất thuộc thửa đất 281, tờ bản đồ 34, toạ lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh và 03 con bò.

Buộc chị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Ngọc S $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương đương số tiền 77.972.000 (bảy mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

1.2. Anh Huỳnh Ngọc S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên là Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 13/2/2008 và Huỳnh Trần Ngọc H, sinh ngày 22/10/2020 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng tính từ ngày 01/5/2024 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

2. Về án phí: chị T phải chịu 3.898.600 (ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009045 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 2.148.600 (hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm) đồng.

Anh S phải chịu 3.898.600 (ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh S phải chịu 4.198.600 (bốn triệu một trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm) đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Chị T phải chịu 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp. Ghi nhận chị T đã nộp xong. Anh S phải chịu 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp. Chị T đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng anh S có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị T số tiền 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân